

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày: 16-8-2021

V/v: “Thực hiện nghĩa vụ tài sản
do người chết để lại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trí

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Đức Thuận
Ông Ngô Văn Nghị

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Khánh Phước-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây sơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Dương Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Văn Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm 1, thôn PM, xã TP, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Bà Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm 2, thôn PM, xã TP, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Chị Trần Thị Mỹ L1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm 2, thôn PM, xã TP, huyện TS, tỉnh Bình Định.

2- Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1998

Địa chỉ: Xóm 2, thôn PM, xã TP, huyện TS, tỉnh Bình Định.

3- Ông Trần Văn C, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Xóm 1, thôn PM, xã TP, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Bà T, ông C có mặt tại phiên tòa; Bà L, chị L1, chị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Văn Thị T trình bày:* Bà và ông Trần Văn C1 là người cùng địa phương nên vào năm 2015, 2016, 2017 bà có bán phân bón về trồng dưa hấu cho ông Trần Văn C1 (gọi là 9 Kè) là chồng của bà Trương Thị Mỹ L, cụ thể lần 01: Ngày 28/6/2015 (ÂL) số tiền 20.629.000 đồng; Lần 02: Ngày 10/10/2015 (ÂL) số tiền 33.633.000 đồng; Lần 03: Ngày 27/01/2016 (ÂL) số tiền 38.980.000 đồng; Lần 04: tháng 7/2016 (ÂL) số tiền 36.097.000 đồng; Lần thứ 05: Ngày 09/01/2021 (ÂL) số tiền 42.965.000 đồng, tổng cộng là 172.304.000 đồng. Ông C1 đã trả cho bà 03 lần với số tiền là 39.339.000 đồng, cụ thể: Ngày 25/12/2015 (ÂL) ông C1 trả 4.262.000 đồng; Tháng 7/2016 trả số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 21/12/2016 (ÂL) trả 15.077.000 đồng; Sau ngày 09/1/2017 trả 15.000.000 đồng, nên ông C1 còn nợ lại của bà số tiền là 132.965.000 đồng. Ngày 17/4/2017 (ÂL) ông C1 viết giấy nợ cho bà với số tiền còn nợ là 132.965.000 đồng. Sau đó bà đã đòi nhiều lần nhưng ông C1 không trả thì ngày 23/5/2018 ông C1 chết do bệnh, sau khi ông C1 chết thì bà đã nhiều lần gặp bà L yêu cầu trả tiền nợ thì bà L không đồng ý trả. Giữa ông Trần Văn C1 và bà Trương Thị Mỹ L có 02 người con là Trần Thị Mỹ L1 và Trần Thị Mỹ N. Tài sản của ông C1 và bà L gồm có nhà và đất tại thửa đất số 790, tờ bản đồ số 11, diện tích 112m² đất ở và các thửa đất màu, đất trồng lúa đều ở thôn PM, xã TP, huyện TS đã được UBND huyện Tây Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/5/2009 cho hộ ông Trần Văn C1 và bà Trương Thị Mỹ L, hiện nhà và đất trên do bà L đang quản lý sử dụng. Nay bà yêu cầu bà L và chị L1, chị N phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà số tiền mà ông C1 đã viết theo giấy nợ ngày 17/4/2017 (ÂL), không yêu cầu tính lãi suất.

** Bị đơn bà Trương Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc nên đã trích bản lời khai cũng như biên bản hòa giải của bà L trình bày:*

Bà với ông Trần Văn C1 là vợ chồng, trong thời gian chung sống bà có biết ông C1 có mua phân bón để làm dưa nhưng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bà không đồng ý việc ông C1 làm dưa nên bà có nói mọi người hàng xóm, cũng như những người bán phân không được bán cho ông C1, nếu bán nợ thì bà không chịu trách nhiệm. Trong thời gian ông C1 còn sống thì ông C1 chồng bà T có đến nhà yêu cầu trả số tiền nợ phân bón, nhưng bà không biết số tiền nợ là bao nhiêu, sau khi ông C1 chết thì bà T khởi kiện bà và các con có nghĩa vụ trả khoản nợ số tiền 132.965.000 đồng, bà không đồng ý trả, vì bà không có liên quan gì đến khoản nợ này.

Bà xác định giữa bà và ông C1 có 02 người con là Trần Thị Mỹ L1 và chị Trần Thị Mỹ N. Theo giấy nợ ngày 17/4/2017 (ÂL) mà bà T cung cấp cho Tòa án cho rằng ông C1 viết và lặn dấu vân tay thì bà không đồng ý vì ông C1 không biết chữ và bà yêu cầu giám định chữ viết và dấu vân tay của ông C1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc nên đã trích bản lời khai cũng như biên bản hòa giải của chị L1 trình bày:*

Chị là con gái của ông Trần Văn C1 và Trương Thị Mỹ L, vào năm 2018 chị có nghe mẹ chị kể việc ông C1 mua nợ phân của bà Văn Thị T, khi cha chị (ông C1) chết được 06 tháng thì vợ chồng bà T có đến nhà để đòi tiền nợ phân bón với số tiền là 132.965.000 đồng, trong khi đó gia đình chị không hề biết việc ông C1 có mua nợ tiền mua phân của bà T. Nên việc bà Trương yêu cầu chị có nghĩa vụ kế thừa việc trả nợ cho ông C1 là cha chị số tiền 132.965.000 đồng thì chị không đồng ý, vì thời gian đó chị đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh nên chị không biết khoản nợ này, chị không có liên quan gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc nên đã trích lời khai của chị N trình bày:*

Chị là con gái của ông Trần Văn C1 và bà Trương Thị Mỹ L, quá trình chung sống cha, mẹ chị đã cãi nhau về mượn tiền để làm dưa, mẹ chị không đồng ý việc nợ này nên cha mẹ đã ly thân, quá trình ly thân mẹ chị có nói với tất cả mọi người không được bán nợ hay cho mượn bất cứ gì nếu cho ông C1 mượn không trả thì không được tìm mẹ con chị đòi nợ, mẹ con chị không chịu trách nhiệm. Sau khi ông C1 chết được 05 tháng thì bà Tg đến nhà yêu cầu mẹ con chị có nghĩa vụ trả khoản nợ 132.965.000 đồng, chị không đồng ý trả nợ cho bà T. Theo giấy nợ ngày 17/4/2017 (Âl) mà bà T cung cấp cho Tòa án cho rằng ông C1 viết và lấn dấu vân tay thì chị không đồng ý vì ông C1 không biết chữ và chị yêu cầu giám định chữ viết và dấu vân tay của ông C1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C trình bày:*

Ông là chồng của bà Văn Thị T, ông C1 mua phân bón để làm dưa có nợ của bà T vợ ông số tiền 132.965.000 đồng, trong thời gian ông C1 còn sống ông có đến nhà ông C1 để yêu cầu trả khoản nợ 132.965.000 đồng, nhưng ông C1 hẹn, hứa trả sau. Sau khi ông C1 chết, ông có đến nhà bà L đòi nợ, bà L cũng biết có nợ của bà T nhưng không biết số tiền nợ là bao nhiêu. Nay ông yêu cầu bà L và các con ông C1 có nghĩa vụ kế thừa việc trả nợ cho vợ chồng ông số tiền là 132.965.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L1, chị Na đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 357, 611, 614, 615, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị T. Buộc bà Trương Thị Mỹ L, chị Trần Thị Mỹ L1 và chị Trần Thị Mỹ N là những người thừa kế của ông Trần Văn C1 có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản thừa kế do ông Trần Văn C1 để lại phải trả cho vợ chồng bà Văn Thị T, ông Trần Văn C số tiền là 116.154.500 đồng.

Về chi phí giám định và định giá tài sản bà Trương Thị Mỹ L phải chịu.

Về án phí DSST bà Trương Thị Mỹ L và chị Trần Thị Mỹ L1, Trần Thị Mỹ N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về yêu cầu Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại giữa nguyên đơn bà Văn Thị T và bị đơn bà Trương Thị Mỹ L. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn PM, xã TP, huyện TS, Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn được quy định tại khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn bà Trương Thị Mỹ L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ L1, Trần Thị Mỹ N đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị T:

Theo lời khai của bà T, ông Trần Văn C1 là người cùng địa phương nên vào năm 2015, 2016, 2017 bà có bán phân bón cho ông Trần Văn C1 (gọi là 9 Kè) với số tiền là 172.304.000 đồng, ông C1 đã trả cho bà số tiền là 39.339.000 đồng, nên còn nợ lại số tiền là 132.965.000 đồng, sau đó hai bên thống nhất số nợ nên ngày 17/4/2017 (ÂL) ông Chín đã viết giấy nợ cho bà với số tiền là 132.965.000 đồng. Giấy nợ trên do ông Trần Văn C1 viết và lấn dấu vân tay. Do ông C1 chết nên nay bà yêu cầu bà Trương Thị Mỹ L và các con ông C1, bà L là chị Trần Thị Mỹ L1, Trần Thị Mỹ N phải có trách nhiệm trả nợ cho bà. Bị đơn bà Trương Thị Mỹ L và chị Trần Thị Mỹ L1, Trần Thị Mỹ N không đồng ý trả nợ cho bà T vì bà và các chị không liên

quan gì đến khoản nợ mà ông C1 mua phân bón của bà T. Bà L và chị N không đồng ý giấy nợ ngày 17/4/2017 (ÂL) là do ông C1 viết và lấn dấu vân tay của ông C1 nên bà L và chị N yêu cầu giám định chữ viết và dấu vân tay của ông C1. Do dấu vân tay của ông C1 không có mẫu so sánh không giám định được nên chỉ giám định mẫu chữ viết Trần Văn C1 trong giấy nợ ngày 17/4/2017 (ÂL). Tại kết luận giám định ngày 20/01/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng đã trả lời kết quả: Kết luận chữ viết ghi nội dung: “*Hôn nay ngày 17, 04, 2017 AL... Hai triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ viết đứng tên ông Trần Văn C1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết ra. Do đó, chứng cứ mà bà T khởi kiện yêu cầu bà L và chị L1, N phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét khoản nợ 132.965.000 đồng mà ông Trần Văn C1 nợ tiền mua phân bón của bà Văn Thị T vào năm 2015, 2016, 2017, thấy rằng trong khoảng thời gian này vợ chồng bà L-ông C1 đã có mâu thuẫn, từ việc bà L không đồng ý việc ông C1 làm dưa nên cuối năm 2014 bà L đã bỏ nhà đi vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống với các con là chị L1, N, đến năm 2017 bà L mới quay về lại nhà thì đến tháng 3/2018 ông C chết nên việc ông C mua phân bón và còn nợ tiền của bà T thì bà L và chị L1, N không biết, không liên quan đến khoản nợ của bà T là phù hợp với lời khai của bà L, năm 2014 ông C1 đòi làm dưa nhưng bà không đồng ý nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà có cảnh báo với tất cả họ hàng và những nhà bán phân bón có liên quan, không ai cho chồng bà mượn hay bán nợ bất kỳ thứ gì, nếu sau này ông C1 không trả được thì bà không chịu trách nhiệm và sau đó bà vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cùng các con, một mình ông C1 ở nhà tự mua và làm chi tiêu cho riêng cá nhân ông, không lo cho gia đình hay nuôi con ăn học gì. Tại phiên tòa hôm nay bà T cũng thừa nhận bà bán phân bón cho ông C1, không có bán cho bà L và giấy nợ cũng một mình ông C1 ký nhận nợ không có bà L. Do đó, đây là nợ riêng của ông Trần Văn C1 nên ông C1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà T, nhưng do ông C1 chết nên những người thừa kế của ông C1 phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản thừa kế do ông Trần Văn C1 để lại đối với vợ chồng bà T, ông C.

[2.3] Về tài sản do người chết để lại và người kế thừa quyền, nghĩa vụ trả nợ. Các đương sự đều thống nhất về hàng thừa kế của ông Trần Văn C1 là bà Trương Thị Mỹ L và chị Trần Thị Mỹ L1, Trần Thị Mỹ N.

- Tài sản của ông Trần Văn C1 để lại. Theo biên bản xác minh ngày 26/3/2021, ngày 07/7/2021 của UBND xã Tây Phú và cung cấp tài liệu chứng cứ của Văn phòng đăng ký đất đai thì ông Trần Văn C1 và bà Trương Thị Mỹ L được Nhà nước giao đất cho hộ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05963 ngày 05/5/2009 của UBND huyện Tây Sơn cấp cho hộ ông Trần Văn C1, bà Trương Thị Mỹ L. Tại thời điểm giao đất thì hộ ông C1 có 02 nhân khẩu là ông Trần Văn C1 và bà Trương Thị Mỹ L, gồm các thửa: Thửa đất số 790, tờ bản đồ số 11 có diện tích 112m² loại đất ở; Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9 có diện tích 873m² loại đất trồng lúa; Thửa đất số 875, tờ bản đồ số 9 có diện tích 405m² loại đất trồng lúa; Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 18

có diện tích 638m² loại đất trồng cây hàng năm khác, các thửa đất đều tọa lạc tại thôn Phú Mỹ, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, hiện các tài sản trên do bà L đang quản lý sử dụng. Tại thời điểm xác minh tài sản trên chưa đăng ký biến động chuyển nhượng cho ai khác. Do đó, các thửa đất trên là tài sản của ông Trần Văn C1 và bà Trương Thị Mỹ L. Theo Trích lục khai tử (bản sao) của UBND xã Tây Phú ngày 26/3/2021 thì ông Trần Văn C1 chết ngày 23/5/2018 nên theo quy định tại Điều 611 và Điều 614 của Bộ luật dân sự, kể từ thời điểm mở thừa kế (ngày 26/3/2018), những người thừa kế của ông C1 có các quyền, nghĩa vụ tài sản do ông C1 để lại và di sản này chưa được chia. Ông C1 chết không để lại di chúc nên di sản của ông C1 để lại là ½ thửa số 790, tờ bản đồ số 11 có diện tích 112m² đất ở và ½ thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9 có diện tích 873m² loại đất trồng lúa; ½ thửa đất số 875, tờ bản đồ số 9 có diện tích 405m² loại đất trồng lúa; ½ thửa đất số 51, tờ bản đồ số 18 có diện tích 638m² loại đất trồng cây hàng năm khác thì những người thừa kế theo pháp luật (hàng thừa kế thứ nhất của ông C1) được hưởng theo quy định của pháp luật gồm: Bà Trương Thị Mỹ L, chị Trần Thị Mỹ L1, chị Trần Thị Mỹ N được quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự nhưng ông Trần Văn C1 còn nợ của vợ chồng bà T số tiền 132.965.000 đồng nên những người hưởng thừa kế của ông C1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông C1 chết để lại được quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Kết quả xem xét thẩm định, định giá ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn: Thửa đất số 790, tờ bản đồ số 11, diện tích đất ở 112m² có giá là 145.600.000 đồng (1.300.000đ x 112m²); Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9 có diện tích 873m² loại đất trồng lúa 01 vụ, hạng 6, vị trí 2 có giá 32.301.000 đồng (37.000đ x 873m²); Thửa đất số 875, tờ bản đồ số 9 có diện tích 405m² loại đất trồng lúa 02 vụ, hạng 3, vị trí 1 có giá 21.870.000 đồng (54.000đ x 405m²); Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 18 có diện tích 638m² loại đất trồng cây hàng năm khác, hạng 4, vị trí 1 có giá 32.538.000 đồng (51.000đ x 638m²) tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại thôn Phú Mỹ, xã Tây Phú, Tây Sơn. Trên thửa đất ở có ngôi nhà cấp 4, có diện tích 98m², nhà do vợ chồng ông C1, bà L xây dựng năm 1992 nên không còn giá trị, nên không xem xét. Hội đồng định giá chỉ xem xét định giá phần xây dựng sửa mới vào năm 2014, 2017, 2020, các phần sửa là mái hiên, ốp gạch tường, mái ngói, lát nền sân, nhà vệ sinh nhà tắm, điện nước, hàng rào cổng ngõ, tổng giá trị là 174.754.000 đồng. Về phần sửa nhà là do chị Trần Thị Mỹ L1 bỏ tiền ra được các đương sự công nhận nên giá trị tiền sửa nhà 174.754.000 đồng là thuộc quyền sở hữu của chị L1. Như vậy tài sản chung của ông C1 và bà L là các thửa đất trên có tổng giá trị 232.309.000 đồng nên ông C1 – bà L được quyền sở hữu, sử dụng ½ giá trị tài sản. Do đó phần của ông C1 được sở hữu số tiền là 116.154.500 đồng, đây là di sản của ông C1 để lại thì người quản lý di sản và người thừa kế của ông C1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của ông C1 là số tiền 116.154.500 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T yêu cầu bà L, chị L1, chị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà trong phạm vi di sản thừa kế của ông Trần Văn C1 để lại của số tiền 116.154.500 đồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà L và chị L1, chị N phải

có trách nhiệm liên đới trả nợ cho vợ chồng bà T, ông C số tiền 116.154.500 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Bà Trương Thị Mỹ L, chị Trần Thị Mỹ L1, Trần Thị Mỹ N không chấp nhận yêu cầu trả nợ cho bà T, vì bà L, chị L1, N cho rằng không liên quan đến khoản nợ của ông Trần Văn C1 nên không có nghĩa vụ trả nợ cho bà T nhưng bà L, chị L1, N không có chứng cứ chứng minh và bà T không chấp nhận là không phù hợp với thực tế và pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được HĐXX chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, bà Trương Thị Mỹ L, chị Trần Thị Mỹ L1, Trần Thị Mỹ N phải liên đới chịu số tiền 5.808.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả 3.325.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Văn Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0006977 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[4] Về chi phí giám định 4.000.000 đồng, bà Trương Thị Mỹ L phải chịu, bà T đã nộp ứng trước 4.000.000 đồng nên bà L phải hoàn trả lại cho bà T 4.000.000 đồng.

[5] Về chi phí định giá tài sản 3.000.000 đồng bà Trương Thị Mỹ L phải chịu, bà T đã nộp ứng trước 3.000.000 đồng nên bà L phải hoàn trả lại cho bà T 3.000.000 đồng.

[6] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 147, Điều 161, Điều 165 và 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Căn cứ Điều 357 và các Điều 611, 614, 615, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị T về việc yêu cầu “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

2. Buộc bà Trương Thị Mỹ L, chị Trần Thị Mỹ L1 và chị Trần Thị Mỹ N phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản thừa kế do ông Trần Văn C1 để lại trả cho vợ chồng bà Văn Thị T, ông Trần Văn C số tiền là 116.154.500 đồng (Một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà Văn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trương Thị Mỹ L và chị Trần Thị Mỹ L1, Trần Thị Mỹ N không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì bà L, chị L1, N còn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Bác yêu cầu của bà Trương Thị Mỹ L, chị Trần Thị Mỹ L1, Trần Thị Mỹ N không chấp nhận trả nợ cho bà T, vì không liên quan đến khoản nợ của ông C1 là không có căn cứ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thị Mỹ L, chị Trần Thị Mỹ L1, Trần Thị Mỹ N phải liên đới chịu 5.808.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Văn Thị T số tiền 3.325.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006977 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

5. Về chi phí giám định: Bà Trương Thị Mỹ L phải chịu 4.000.000 đồng, bà T đã nộp ứng trước 4.000.000 đồng nên bà L phải hoàn trả lại cho bà T 4.000.000 đồng.

6. Về chi phí định giá tài sản: Bà Trương Thị Mỹ L phải chịu 3.000.000 đồng, bà T đã nộp ứng trước 3.000.000 đồng nên bà L phải hoàn trả lại cho bà T 3.000.000 đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/8/2021, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trí